

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **292/2020/HSPT**

Ngày: 12/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quốc Bình -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 203/2020/HSPT ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trần Phước N; do có kháng cáo của bị cáo Trần Phước N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 208/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Phước N (Tên gọi khác: T), sinh ngày 26 tháng 7 năm 1981, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký NKTT: 90/5/5, khu phố X1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: 90/5/5, khu phố X1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn C1, sinh năm 1958 và bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1963. Vợ: Phan Ngọc Minh C, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2018. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân:

- Bản án số 286/2001/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2001, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã xử phạt bị cáo Trần Phước N 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Bản án số 400/2011/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2011, Tòa án nhân dân

thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã xử phạt bị cáo Trần Phước N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Bản án số 219/2014/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2014, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã xử phạt bị cáo Trần Phước N 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07 tháng 11 năm 2019.

- **Người bị hại:** anh Triệu Quốc Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 77, khu phố X, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** chị Phan Ngọc Minh C, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số 108/3/1, khu phố X1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phước N là đối tượng nghiện ma túy, vào khoảng 10 giờ 10 phút ngày 07 tháng 11 năm 2019, N điều khiển xe mô tô biển số 60C1-046.61 chạy trong đường hẻm 108 thuộc khu phố X1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thấy anh Triệu Quốc Đ (sinh năm 1983), ngụ tại 77, khu phố X, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đang điều khiển xe mô tô biển số 60X7- 9387 chạy trong đường hẻm hướng ngược chiều với N. Thấy vậy, N quay đầu xe mô tô biển số 60C1-046.61 chạy đuổi theo anh Đ. Khi anh Đ điều khiển xe đến trước nhà anh Nguyễn Hoàng Trọng Nh (sinh năm 1974), ngụ tại 108/1, khu phố X1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai dừng lại để đón mẹ đang bấm huyết trong nhà anh Nh. Lúc này, anh Đ bước xuống xe, N điều khiển xe chạy đến, tay phải N cầm 01 dao bấm bằng sắt màu đen, cán ốp gỗ nâu, kích thước 04cm x 20cm, còn tay trái nắm cổ áo anh Đ kéo ra đường cách nhà anh Nh khoảng 10 mét rồi cầm dao khống chế, yêu cầu anh Đ quỳ xuống đường. N cầm dao rạch vào vai phải, vai trái và tay trái của anh Đ làm rách áo chảy máu, rồi N bắt anh Đ cởi hết áo quần trên người ra. Thấy tay trái anh Đ đang đeo 01 đồng hồ hiệu LONGINES và 01 vòng đeo tay bằng đá, N giật chiếc đồng hồ và vòng đeo tay của anh Đ bỏ vào túi quần sau của mình rồi tiếp tục dùng tay tát vào mặt anh Đ. Lúc này, Công an phường Q, thành phố B đến khống chế bắt giữ N, rồi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật. Sau đó, Công an phường Q, thành phố B lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Trần Phước N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 60C1-046.61, nhãn hiệu SYM, loại ATTILA, màu vàng, số máy 016143, số khung 016143;

- 01 (một) đồng hồ hiệu LONGINES;
- 01 (một) vòng đá đeo tay màu trắng đục gồm 14 hạt và 01 hạt hình tỷ hưu;
- 01 dao bấm bằng sắt màu đen, cán có ốp gỗ nâu, kích thước 04cm x 20cm.

*Tại Kết luận định giá tài sản số: 519/TCKH-HĐĐG ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa, kết luận: 01 (một) đồng hồ đeo tay nam hiệu LONGINES và 01 (một) vòng đá đeo tay màu trắng đục gồm 14 hạt và 01 hạt hình tỷ hưu, có tổng giá trị tài sản định giá là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Triệu Quốc Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

*Tại Cáo trạng số: 142/CT/VKS-BH ngày 09 tháng 3 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, đã truy tố Trần Phước N về tội “Cướp tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và tội “Làm nhục người khác”, theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 208/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:

Tuyên bố, bị cáo Trần Phước N phạm tội: “Cướp tài sản”, “Làm nhục người khác”.

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Trần Phước N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2019.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 155; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Trần Phước N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Phước N.

Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ, cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự; Do vậy:

- Xử phạt bị cáo: Trần Phước N 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2019.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Trần Phước N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (bảy) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2019.

4. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự ; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dao bấm bằng sắt màu đen, cán có ốp gỗ nâu, kích thước 04cm x 20cm, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại xe mô tô biển số 60C1-046.61, nhãn hiệu SYM, loại Attila, màu vàng, số máy 016143, số khung 016143 cho chị Phan Ngọc Minh C; theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Về dân sự, người bị hại không yêu cầu bồi thường, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/5/2020, bị cáo Trần Phước N kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội cướp tài sản.

Ngày 13/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định kháng nghị số 182/QĐ-VKSBNH nội dung kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm về phần quyết định xử lý vật chứng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vụ án theo hướng sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm tại phần quyết định xử lý vật chứng tuyên tịch thu giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 60C1-046.61 để sung công quỹ nhà nước, trả lại giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 60C1-046.61 cho chị Phan Ngọc Minh C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có căn cứ, đề nghị chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng tuyên tịch thu giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 60C1-046.61 để sung công quỹ nhà nước, trả lại giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 60C1-046.61 cho chị Phan Ngọc Minh C. Đối với kháng cáo của bị cáo, do không cung cấp được tình tiết đặc biệt nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Phước N cho rằng bị cáo không có hành vi cướp tài sản và quá trình điều tra bị cáo khai bị bức cung, nhục hình là không có căn cứ, bởi lẽ trong quá trình điều tra, tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can (các bút lục số 57, 59, 60, 63, 64 - 66) đều thể hiện bị cáo được lấy lời khai trong trạng thái tỉnh táo, minh mẫn, việc khai báo hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, bị cáo đã thừa nhận hành vi cướp tài sản của mình. Hơn nữa, tại lời khai của bị hại anh Triệu Quốc Đ và những người làm chứng anh Nguyễn Hoàng Trọng Nh và bà Nguyễn Thị H tại các bút lục số 76 - 81, 87, 88, 90, 91 đều khai bị cáo đã có hành vi dùng dao rạch áo anh Đ, giật đồng hồ và vòng tay đá trên tay anh Đ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Phước N về tội “Cướp tài sản” và tội “Làm

nhục người khác” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, trong vụ án này bị cáo N và chị Phan Ngọc Minh C có quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo pháp luật, theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chiếc xe mô tô bị cáo dùng vào việc phạm tội là tài sản chung của vợ chồng nên chị C cũng có quyền định đoạt đối với chiếc xe mô tô trên tương ứng với phần thuộc quyền sở hữu của mình. Cấp sơ thẩm tuyên trả lại chiếc xe trên cho chị Phan Ngọc Minh C là vợ của bị cáo N là vi phạm thủ tục tố tụng về xử lý vật chứng theo điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có căn cứ chấp nhận, nghĩ chấp nhận, sửa án sơ thẩm về xử lý vật chứng, cần phải tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe mô tô trên để sung công quỹ nhà nước, trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô trên cho chị Phan Ngọc Minh C do chị C không biết việc N sử dụng xe vào việc phạm tội.

Bên cạnh đó, tại phần lý lịch, nhân thân bị cáo, cấp sơ thẩm không ghi rõ bị cáo từng bị xét xử về tội gì. Do đó, cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm về phần ghi nhân thân bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Phước N. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 155; khoản 2 Điều 51 Điều 36, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Trần Phước N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Làm nhục người khác”. Chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù (theo tỷ lệ 03 ngày cải tạo không giam giữ = 01 ngày tù) bằng 04 (bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Phước N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (bảy) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự ; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dao bấm bằng sắt màu đen, cán có ốp gỗ nâu, kích thước 04cm x 20cm, theo biên bản giao nhận vật chứng , tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố, tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 60C1-046.61 để sung công quỹ nhà nước, trả lại giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 60C1-046.61 cho chị Phan Ngọc Minh C; (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hoà (2);
- VKSND thành phố Biên Hoà;
- Công an thành phố Biên Hoà;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Người tham gia tố tụng khác;
- Trại tạm giam (2);
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Tùng